

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-PT
Ngày 15 tháng 6 năm 2020
V/v “Tranh chấp chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang

Ông Nguyễn Kim Ái

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:32/2020/QĐXX-DSPT ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đoàn M**, sinh năm 1943 (đã chết).

Địa chỉ: khu 2, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1. Chị **Đoàn Thị Lan A**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt đã ủy quyền cho chị H).

2. Bà **Lưu Thị L**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: D6-629-KĐT Đ, huyện G, thành phố Hà Nội (vắng mặt đã ủy quyền cho chị H).

3. Chị **Đoàn Thị Lan H**, sinh năm 1978

Địa chỉ: P203B nhà H7, phố T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

4. Chị **Đoàn Thị Hương L**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: D6-629-KĐT Đă, huyện G, thành phố Hà Nội (vắng mặt đã ủy quyền cho chị H).

5. Chị **Đoàn Thị Thu L**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 21- Đường K- Khu J- Bang N - Australia (vắng mặt đã ủy quyền cho chị H)

(Chị H là người đại diện theo ủy quyền của bà L, chị L, chị A, chị L theo văn bản ủy quyền ngày 16/02/2109 và Giấy ủy quyền ngày 30/01/2020)

Bị đơn:

10. Bà **Đoàn Thị T**, sinh năm 1939.

Địa chỉ: khu 9, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà **Đoàn Thị N**, sinh năm 1942.

Nơi ĐKKH: Số nhà 2 ngõ 123, phường T, quận T, t.p Hà Nội.

Địa chỉ: Số nhà 4 ngõ 123, phường T, quận T, Tp. Hà Nộ (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

3. Ông **Đoàn Thế H**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: khu 2, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ (có đơn xi xử vắng mặt).

4. Bà **Đoàn Thị S**, sinh năm 1949

Nơi ĐKKHKT: 11C, tổ 29 cụm 5, đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số nhà 44A, ngách 63, ngõ 173, đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội(có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

5. Bà **Đoàn Thị Vân T2**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: khu Đâu Lô, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

6. Bà **Đoàn Thị N2**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

7. Bà **Đoàn Thị Lệ H**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 48 A, đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

8. Anh **Đoàn Trần C**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khu 1, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

9. Chị **Đoàn Thị Kim Th**, sinh năm 1982 (có đơn xin xử vắng mặt).

10. Anh **Đoàn Thanh B**, sinh năm 1988 (vắng mặt đã ủy quyền cho anh Công) .

Đều có địa chỉ: khu 1, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Anh C là người đại diện theo ủy quyền của bà Y, chị Th, anh B theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2017)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà **Dương Thị Y**, sinh năm 1961

Địa chỉ: khu 1, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt đã ủy quyền cho anh C)

Người kháng cáo các ông, bà: Ông Đoàn Thế H, bà Đoàn Thị Vân T2, anh Đoàn Trần C, bà Đoàn Thị T, bà Đoàn Thị N, bà Đoàn Thị S, bà Đoàn Thị N2, bà Đoàn Thị Lệ H.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai, tại buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Đoàn Thị Lan H, chị Đoàn Thị Lan A, chị Đoàn Thị Hương L, và bà L do chị H là người đại diện theo ủy quyền, chị Đoàn Thị Lan H thống nhất nội dung trình bày:

Bố đẻ của chị là ông Đoàn M là nguyên đơn trong vụ án đã có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đoàn Văn K và cụ Trần Thị Á. Ngày 26/5/2018 bố đẻ chị bị bệnh nặng đã chết (Ông M có vợ là bà Lưu Thị L và 4 người con). Mẹ đẻ chị và các chị em trong gia đình là người thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Đoàn M tiếp tục thực hiện quyền thừa kế tố tụng trình bày yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Bố mẹ đẻ của ông Đoàn M là cụ Đoàn Văn K và cụ Trần Thị Á kết hôn sinh được 10 người con (không ai có con riêng). Ông nội chị chết năm 1986, bà nội chị chết năm 2012, trước khi chết hai cụ không để lại di chúc hoặc giấy tờ gì về việc phân chia di sản thừa kế. Các chị thực hiện quyền thừa kế quyền tham gia tố tụng của bố chị khởi kiện đề nghị Tòa án chia tài sản chung của ông bà nội để lại gồm: Đất ở và đất vườn, đất trồng lúa, ngôi nhà xây dựng trên đất và công trình phụ trợ khác có địa chỉ tại: khu 2, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Nguồn gốc tài sản là của do ông bà nội chị khai phá, sử dụng ổn định và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi còn sống bố chị là ông Đoàn M cũng như các chị không đồng ý với bản di chúc mà các bị đơn cho rằng đó là di chúc của cụ Á để lại. Theo

chị, cụ Á không thể tự viết được, di chúc không có người làm chứng, di chúc là không hợp pháp.

Các lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa sơ thẩm, chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia đất ở, đất vườn đã được Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, Hội đồng định giá định giá tài sản: Cụ thể đất thổ cư 1.300m² tại thửa đất số 178, tờ bản đồ số 02 có tổng trị giá 92.000.000.đ (trong đó đất ở: 180m² có trị giá: 36.000.000.đ; đất vườn, trị giá =56.000.000.đ) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Trần Thị Á. Nguyên vọng của bố chị trước khi chết là mẹ chị và các chị em trong gia đình được chia một phần đất trong khối di sản thừa kế là quyền sử dụng đất ở, đất vườn của cụ K và cụ Á để lại; phần còn lại giao cho các đồng thừa kế khác quản lý các chị không có ý kiến gì.

Các chị không đề nghị chia tài sản là ngôi nhà cấp 4 trên đất do ông M xây dựng, xác định sẽ để lại làm nhà thờ cúng tổ tiên, các chị được quyền sử dụng thờ cúng tổ tiên và việc giao cho ai trông nom phải lập thành văn bản chứ không phải là tài sản riêng của ông Đoàn Thế H; không đề nghị Tòa án giải quyết phần công sức xây dựng tường rào và không đề nghị giải quyết về đất nông nghiệp; Đề nghị hủy bản di chúc do bà Đoàn Thị Vân T2 cung cấp vì đó không phải là do cụ Á viết, cụ không biết chữ, di chúc không có người làm chứng, không biết ai là người viết hộ. Ngoài những yêu cầu trên chị không đề nghị giải quyết nội dung nào khác nữa.

Bị đơn là bà Đoàn Thị Vân T2, anh Đoàn Trần C, bà Đoàn Thị S, bà Đoàn Thị N, bà Đoàn Thị N2 đều thống nhất trình bày:

Cụ Đoàn Văn K và cụ Trần Thị Á sinh được 10 người con, trong đó ông Đoàn Văn K đi bộ đội và hy sinh; ông Đoàn Ngọc H đã chết năm 2006; ông Đoàn M là nguyên đơn đã chết năm 2018, còn lại 7 anh chị em. Về tài sản chung của hai cụ để lại gồm đất ở, đất vườn, nhà trên đất và một số tài sản khác. Theo yêu cầu của nguyên đơn thì Tòa án thẩm định, Hội đồng định giá định giá tài sản là đất ở và đất vườn như chị H đã trình bày trên là đúng. Tuy nhiên, các ông, bà không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn M vì: Phần đất và nhà trên đất là của cụ K và cụ Á để lại không chia mà thống nhất đó là tài sản chung và làm nơi thờ cúng bố, mẹ và người anh là liệt sỹ Đoàn Thế K như di chúc của cụ Á. Vào năm 2000, cụ Á đã viết di chúc giao tất cả tài sản là nhà, đất cho các con (trừ chị Lưu Thị L vợ ông M) để làm nơi cúng giỗ ông bà, tổ tiên. Khi cụ Á viết di chúc hoàn toàn minh mẫn,

cụ biết đánh vắn và ký được tên. Những người thừa kế không được bán, đổi, chuyển nhượng đất và ngôi nhà này cùng toàn bộ tài sản khác. Di chúc của cụ Á đã được chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xác nhận. Do vậy, các bị đơn đề nghị Tòa án xác nhận bản di chúc của cụ Á là hợp pháp; đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn về chia di sản thừa kế của cụ K và cụ Á và đề nghị Tòa án xác nhận thống nhất để làm sở hữu chung.

Các bị đơn là ông Đoàn Thế H, bà Đoàn Thị T, chị Đoàn Thị Lệ H, chị Đoàn Thị Kim Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời trình bày thống nhất nội dung như sau: Các bà là con gái của cụ Đoàn Văn K và cụ Trần Thị Á. Khi cụ K chết không để lại di chúc còn cụ Á trước khi chết có để lại di chúc. Các bà đều cho rằng bản di chúc mà cụ Á viết là đúng vì trong bản di chúc có nội dung rõ ràng, có chữ ký và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã. Vào năm 2000, khi cụ Á viết di chúc thì cụ vẫn còn minh mẫn biết viết và biết đọc nên việc cụ Á viết di chúc để lại toàn bộ tài sản là nhà, đất cho các con, cháu trong gia đình để làm nơi thờ cúng, không được chuyển nhượng, đổi cho ai là đúng. Các ông bà đều phản đối việc ông Đoàn M, vợ và các con của ông Đoàn M yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ K và cụ Á. Đề nghị Tòa án chấp nhận bản di chúc do cụ Á viết là hợp pháp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 623, Điều 650, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Giao cho chị Đoàn Thị Lan H được quyền quản lý diện tích đất là 144,5m² (trong đó có 20,0m² đất ở và 124,5 m² đất vườn) trị giá **10.225.000đ** (*Mười triệu hai trăm hai lăm nghìn đồng*) có chỉ giới theo sơ đồ hiện trạng kèm theo và có lưu trong hồ sơ (BL số 98) (là phần hưởng di sản thừa kế của ông Đoàn M).

Xác nhận diện tích đất còn lại gồm 160 m² đất ở và 995,5m² đất vườn có trị giá 81.775.000đ (*Tám mươi một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn*), có chỉ giới theo sơ đồ kèm theo là tài sản chung của các đồng thừa kế còn lại chưa chia.

Bản án còn tính án phí, tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 06/01/2020 ông H, bà T2, anh C kháng cáo bản án. Ngày 08/01/2020 bà T, bà N, bà S, bà N2 kháng cáo bản án. Các kháng cáo đều có nội dung cho rằng nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm xác định bản di chúc có dấu hiệu bị tẩy xóa, căn cứ vào lời khai của ông T - nguyên chủ tịch UBND xã, khẳng định di chúc cụ A nhờ người khác viết mà không điều tra xem cụ A tự viết hay nhờ người khác viết để xác định bản di chúc không hợp pháp, không chấp nhận bản di chúc là không đúng. Xác định bản di chúc là hợp pháp, việc Tòa án chia di sản theo pháp luật là không đúng. Ngày 21/01/2020 bà Đoàn Thị Lệ H kháng cáo bản án, khẳng định cụ A biết chữ.

Ngày 20/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ kháng nghị phúc thẩm đối với bản án. Nội dung:

Một là, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ. Cụ thể:

- Tòa án chưa thu thập đầy đủ chứng cứ về tư cách đại diện theo ủy quyền của anh Đoàn Trần C, đó là: Ông H có vợ là bà Y, có ba con là: C, Th, B. Ngày 03/4/2017 tại Biên bản họp gia đình B, Y ủy quyền cho anh C tham gia tố tụng, biên bản ghi rõ chị Th không có mặt nhưng cuối biên bản lại có chữ ký của chị Th. Nên chưa có cơ sở anh C đại diện theo ủy quyền của chị Th. Mặt khác, trong biên bản không ghi rõ thời gian ủy quyền, nên theo quy định tại Điều 563 BLDS năm 2015 ủy quyền đã hết thời hạn. Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ nội dung này là thiếu sót.

- Tòa án giao cho chị H 144,5m² đất (trong đó có 20m² đất ở, 124,5m² đất vườn), diện tích đất ở này chưa đủ điều kiện để tách thửa theo QĐ số 12/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ, tuy có xác minh nhưng lại chưa xác minh cụ thể xem diện tích đất vườn giao cho chị H có đủ điều kiện để chuyển đổi mục đích thành đất ở được không, từ đó mới có cơ sở xác định việc chia 144,5m² đất cho chị H đảm bảo được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hai là, Khi chia di sản cấp sơ thẩm đã không xem xét đến công sức chăm nuôi bố mẹ, công quản lý di sản để chia cho ông M phần nhiều hơn các thừa kế khác là chưa đúng pháp luật.

Ba là, Cấp sơ thẩm giao cho chị H quản lý di sản là chưa đúng bởi chị H chỉ là người được ủy quyền của bà L, chị L, chị A tham gia tố tụng. Nội dung giấy ủy quyền không có nội dung ủy quyền để chị H quản lý, sử dụng di sản được chia. Mặt khác, chị L đang ở nước ngoài không ủy quyền cho chị H nhưng cấp sơ thẩm lại giao cho chị H quản lý 144,5m² đất di sản là không chính xác.

Ông M đã nộp 200 nghìn tạm ứng án phí, bản án buộc chị H chịu 511.250đ, nhưng không trừ 200 nghìn ông M nộp tạm ứng là không chính xác.

Đối với yêu cầu chia thừa kế đất nông nghiệp, nguyên đơn rút yêu cầu tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện; tại phiên tòa nguyên đơn tiếp tục rút yêu cầu nhưng bản án không tuyên đình chỉ giải quyết là chưa đầy đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, xác định di chúc của cụ A là hợp pháp; yêu cầu bác yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và trình bày:

Bà T2 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng trong việc tổng đạt các văn bản của Tòa án, tổ chức phiên hòa giải lại đưa cả nhân chứng vào tham gia, chuyển án lòng vòng mà không thực hiện theo điều 471 BLTTDS dẫn đến vụ án kéo dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

Các bà N, bà S, bà N2, bà T2, anh C xác định di chúc là hợp pháp, cụ A biết chữ, chữ ký trong di chúc là của cụ A. Bà T2 xác định chữ viết, chữ ký trong di chúc là của cụ A, bà không biết cụ A viết di chúc ở đâu nhưng cụ A đã đưa cho bà giữ; bà S xác định chữ viết không phải của cụ A nhưng chữ ký thì là của cụ A; bà N2 khai không biết cụ A lập di chúc ở đâu nhưng cụ A biết chữ, cụ còn dạy các con của bà học, khi ở tại nhà bà cụ A tuyên bố đã lập di chúc, còn lập ở đâu, ai viết di chúc bà không biết nhưng di chúc có chứng thực là hợp pháp phải được công nhận, khi cụ A chết tất cả những bút tích của cụ A đã tiêu hủy không còn gì để giao nộp cho Tòa hết. Bà S cho rằng việc xem có phải chữ ký, chữ viết của cụ A hay không thuộc trách nhiệm của Tòa án, Tòa án phải làm, các bà không có trách nhiệm phải cung cấp, giao nộp gì hết. Anh C xác định di chúc hợp pháp, cụ A biết chữ vì nhiều nhân chứng do chính Thẩm phán Tòa cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của họ đều xác nhận cụ A biết chữ. Các bà N, S, T2, N2 đều khai trước khi chết ông Đoàn M nói không muốn kiện cáo gì nữa, ông M chết rồi yêu cầu Tòa án cho biết tại sao bà L, chị H và các con ông M lại được tiếp tục kiện đòi chia thừa kế. Các bà đều khai ông M không có công chăm sóc gì cụ A cả bởi ông M là bệnh binh mất 61% sức khỏe, lương ít con đông, việc chăm sóc cụ A là do các bà mỗi bà vài tháng; đối với bà L là người con dâu không tốt bố chồng chết, mẹ chồng chết không đến, khi còn sống đối xử không ra gì đối với cụ A nên không được phép về thờ cúng tổ tiên. Bà N, bà N2, bà S, bà T2, anh Công đều xác định di sản thừa kế của cụ A để lại là thửa đất số 178, tờ bản đồ số 2, khu 2, xã C, ngôi nhà cấp bốn, hai gian bếp, cây cối trên đất Nguyên đơn và bị đơn đều không tranh chấp về di sản và đều nhất trí tuy cụ K chết năm 1986 không để lại di chúc

nhưng sau đó đất đã được cấp cho cụ Á rồi là của cụ Á nay là di sản, tuy giấy chứng nhận ghi hộ nhưng hộ lúc đó chỉ có mình cụ Á nên là di sản của cụ Á; không yêu cầu xem xét lại đâu là di sản. Các bị đơn đều yêu cầu phải thực hiện theo di chúc của cụ Á để làm nơi thờ cúng tổ tiên và ông Đoàn Thế K liệt sỹ, Tòa án cấp sơ thẩm chia đất là tước mất đi chế độ, nơi thờ cũng liệt sỹ (chi tiết lời trình bày của các đương sự tại biên bản phiên tòa).

Chị H trình bày: Việc khởi kiện là bản cùng để trả lại sự oan ức của người đã chết là bố chị là người không kiên quyết nên bao nhiêu năm bị đè nén đến khi chết. Bố chị ông Đoàn M có nhiều công chăm sóc cụ Á, công quản lý di sản, Tuy Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét nhưng chị cũng không có ý kiến gì nữa. Chị xác định yêu cầu khởi kiện chỉ còn duy nhất một yêu cầu đó là chia thừa kế 1.300m² đất theo pháp luật. Chị H xác định tuy tại cấp sơ thẩm có đề nghị để lại ngôi nhà cấp bốn làm nơi thờ cúng tổ tiên, giao cho ai phải lập thành văn bản, không phải là tài sản riêng của ông H nhưng chị H xác định nội dung này không phải là yêu cầu khởi kiện trong vụ án. Chị xác định di chúc mà các bị đơn xuất trình là di chúc giả, không có giá trị pháp lý, hình thức di chúc vi phạm quy định của pháp luật, không biết ai là người viết di chúc, không ký vào bản di chúc...(chi tiết lời trình bày của chị H tại biên bản phiên tòa).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị không chấp nhận kháng cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh sửa án sơ thẩm (chi tiết tại bài phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát lưu hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo, kháng nghị trong hạn luật định được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về di sản của cụ Trần Thị Á và về địa vị tố tụng của bà Lưu Thị L, các chị Đoàn Thị Lan A, Đoàn Thị Lan H, Đoàn Thị Hương L, Đoàn Thị Thu L:

[2.1] Các bên đương sự không có tranh chấp và đều xác định thửa đất số 178, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.300m² tại khu 2, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ, ngôi nhà cấp

4, hai gian bếp trên đất là di sản của cụ Á để lại nên không cần phải xác minh về di sản.

[2.2] Nguyên đơn là ông Đoàn M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Trong quá trình giải quyết vụ kiện thì ông Đoàn M chết (2018) nên bà Lưu Thị L là vợ, các chị Đoàn Thị Lan A, Đoàn Thị Lan H, Đoàn Thị Hương L, Đoàn Thị Thu L là con sẽ kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn M theo quy định tại Điều 74 của BLTTDS năm 2015.

[3] Về nội dung các kháng cáo: Kháng cáo của các ông, bà: ông H, bà T2, anh Công, bà T, bà N, bà S, bà N2 và bà H đều có cùng một nội dung đó là bản di chúc của cụ Á có xác nhận của UBND xã là hợp pháp. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận bản di chúc này mà lại chia di sản theo pháp luật là không đúng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Lời khai của các bà T2, bà S, bà N2 tại phiên tòa phúc thẩm có sự mâu thuẫn với nhau. Bà T2 thì khai chữ viết trong di chúc là của cụ Á, bà S xác định không phải chữ viết của cụ Á, chữ ký thì đúng là của cụ Á, bà N2 thì không xác định là chữ viết của ai nhưng cho rằng cụ Á biết chữ, di chúc được UBND xã chứng thực là có giá trị pháp lý. Bà N2 khai cụ Á chết mọi giấy tờ liên quan đến cụ Á đã tiêu hủy hết nên không còn gì để giao nộp cho Tòa án. Bà N2, bà S, bà T2 cho rằng việc xác định chữ ký, chữ viết của cụ Á tại bản di chúc thuộc trách nhiệm của Tòa án phải làm.

Việc xác định, đánh giá chứng cứ thuộc trách nhiệm của Tòa án. Tuy nhiên, trong trường hợp này do có sự mâu thuẫn trong lời khai của chính những người giao nộp di chúc nên để xác định chữ viết, chữ ký trong văn bản do đương sự giao nộp có phải chữ ký, chữ viết của cụ Á không làm cơ sở xác định văn bản này đúng là ý nguyện của cụ Á trước khi chết thì cần phải thực hiện việc giám định chữ ký, chữ viết, nhưng việc giao nộp tài liệu mẫu so sánh hoặc cung cấp địa chỉ nơi đang lưu giữ tài liệu để phục vụ cho việc giám định chữ ký, chữ viết thuộc trách nhiệm của đương sự. Các đương sự thì không giao nộp, không cung cấp nên đương sự phải chịu hậu quả về việc không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

[3.2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự; căn cứ lời khai của ông Đoàn Quốc T - Nguyên chủ tịch UBND xã C - người đã xác nhận văn bản này cho thấy văn bản này không được lập ngay trước mặt của người có thẩm quyền ký chứng thực, không tuân thủ về trình tự lập di chúc theo quy định tại Điều 661 BLDS năm 1995. Việc chứng thực của ông T cũng không thực

hiện đúng quy định của pháp luật về chứng thực, không vào sổ chứng thực, không lưu tại UBND xã nơi chứng thực...; Về nội dung văn bản không đủ cơ sở xác định chữ viết, chữ ký trong văn bản là của cụ Á bởi chính lời khai của bà T2, bà S về chữ viết, chữ ký trong văn bản này là mâu thuẫn với nhau; việc giám định lại không thể thực hiện được vì đương sự không giao nộp tài liệu mẫu so sánh; văn bản thì bị tẩy xóa, sửa chữa, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận văn bản trên là Di chúc hợp pháp và chia di sản của cụ Á để lại theo pháp luật là đúng. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận.

[4] Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót như kháng nghị nêu ra là đúng. Tuy nhiên:

[4.1] Đối với nội dung ủy quyền của chị Th cho anh C; về điều kiện chuyển đổi 124,5m² đất vườn sang đất ở: Ngày 19/5/2020 chị Th có đơn đề nghị không tham dự phiên tòa, đề nghị tòa tiến hành theo đúng di chúc của cụ Á, không có ý kiến gì về việc phải tham gia phiên tòa sơ thẩm. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất UBND huyện H cũng đã có văn bản xác định diện tích 124,5m² đất vườn mà cấp sơ thẩm đã chia cho ông Đoàn M (trong 1.300m² đất của thửa đất số 178, tờ bản đồ số 2, thuộc khu 2, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ) đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng sang đất ở, nên những thiếu sót những về việc ủy quyền của chị Th cho anh C, việc điều kiện chuyển đất vườn sang đất ở của 124,5m² đất vườn mà ông Đoàn M được hưởng phần di sản của cụ Á đã được khắc phục.

[4.2] Đối với nội dung công quản lý di sản, công chăm sóc cụ Á của ông M chưa được xem xét: Khi chia Di sản Tòa án cấp sơ thẩm đúng là chưa xem xét đến nội dung này. Tuy nhiên, những người được hưởng chuyển tiếp phần di sản của ông M được hưởng của cụ Á không kháng cáo, tại cấp phúc thẩm cũng không đề nghị nên chỉ lưu ý cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4.3] Đối với nội dung kháng cáo về việc giao di sản của ông Đoàn M được hưởng thừa kế của cụ Á: Quá trình xét xử phúc thẩm chị L, chị Anh, chị L, bà L có văn bản nhất trí giao cho chị H quản lý nên phần di sản của ông Đoàn M (do bà L, chị Anh, chị L, chị L, chị H được hưởng chuyển tiếp) vẫn sẽ giao cho chị H trực tiếp quản lý. Nếu có tranh chấp giữa những người được hưởng chuyển tiếp di sản của ông Đoàn M và có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4.4] Đối với nội dung kháng nghị về số tiền tạm ứng án phí mà ông Đoàn M đã nộp: Khi quyết định về án phí đúng là Tòa án cấp sơ thẩm đã không trừ số tiền tạm

ứng án phí 200.000đ ông Đoàn M đã nộp vào phần án phí sơ thẩm mà những người được hưởng chuyển tiếp (bà L, chị Anh, chị L, chị L, chị H) di sản của ông Đoàn M được hưởng của cụ A là thiếu sót, nên cấp phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm, theo đó, số tiền 200.000đ tạm ứng án phí ông Đoàn M đã nộp sẽ được trừ vào tiền án phí sơ thẩm nay những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn M phải chịu.

[4.5] Đối với nội dung các yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết: Việc này là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, tuy nhiên không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án nên sẽ được khắc phục, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ quyết định đình chỉ giải quyết trong bản án phúc thẩm.

[5] Ngoài ra cấp sơ thẩm chưa giao cho ai là người trực tiếp quản lý phần di sản chưa chia là thiếu sót. Việc này cần phải được khắc phục, bảo đảm phần di sản chung chưa chia có người quản lý. Phần di sản chưa chia này là tài sản chung của các đồng thừa kế gồm: Bà T, bà N, ông H, bà S, bà T2, bà H, bà N2, ông Hồng (do bà Y, anh C, chị Th, chị B hưởng chuyển tiếp) nếu có tranh chấp và có yêu cầu cũng sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Đối với ngôi nhà cấp 4, hai gian bếp nguyên đơn đề nghị để lại làm nơi thờ cúng tổ tiên, không chia nhưng phải lập thành văn bản và xác định nội dung này không phải là một yêu cầu khởi kiện nên chưa chia. Tuy nhiên tài sản này cũng phải được giao cho người trực tiếp quản lý, nếu có tranh chấp và có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

[7] Án phí phúc thẩm: Bản án phải sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 BLTTDS năm 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà: ông H, bà T2, anh C, bà T, bà N, bà S, bà N2 và bà H.

[2] Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 623, Điều 650, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn M đối với yêu cầu chia thừa kế đất nông nghiệp của cụ A (BL18).

- Chia cho bà Lưu Thị L và các chị Đoàn Thị Lan A, Đoàn Thị Lan H, Đoàn Thị Hương L, Đoàn Thị Thu L (những người hưởng chuyển tiếp phần di sản của ông Đoàn M được hưởng của cụ Trần Thị Á) 144,5m² đất (trong đó có 20,0m² đất ở và 124,5 m² đất vườn) trong diện tích 1.300m² đất của thửa đất số 178, tờ bản đồ số 2, tại khu 2, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O.344475 ngày 02/4/1999 cho người sử dụng là hộ bà Trần Thị Á, trị giá **10.225.000đ** (Mười triệu hai trăm hai lăm nghìn đồng). Giao cho chị Đoàn Thị Lan H trực tiếp quản lý di sản trên (có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án BL98).

- Xác nhận diện tích 1.185,5m² đất di sản của cụ Trần Thị Á còn lại (gồm 160 m² đất ở và 995,5m² đất vườn) thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 2, khu 2, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ là phần di sản của các ông bà: Bà T, bà N, ông H, bà S, bà T2, bà H, bà N2, ông H (do bà Y, anh C, chị Th, chị B được hưởng chuyển tiếp) được hưởng chung, chưa chia riêng cho từng thừa kế, có chỉ giới theo sơ đồ kèm theo (BL 98), có trị giá tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 81.775.000đ (Tám mươi một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Giao cho ông Đoàn Thế H trực tiếp quản lý 1.185,5m² đất di sản, ngôi nhà cấp 4, hai gian bếp và toàn bộ cây cối có trên 1.185,5m² đất di sản chung chưa chia.

- Về án phí: Bà Lưu Thị L, chị Đoàn Thị Lan A, chị Đoàn Thị Lan H, Đoàn Thị Hương L phải chịu 511.250đ (Năm trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Đoàn M đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2015/0000339 ngày 31/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H được trừ vào tiền án phí sơ thẩm. Bà L, chị H, chị L, chị L, chị A còn phải nộp tiếp 311.250đ (Ba trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm (xác nhận chị H tự nguyện nộp số tiền trên).

[3] Án phí phúc thẩm: Bà T, bà N, ông H, bà S, bà T2, bà N2, bà H, anh C không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Đoàn Trần C 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002198 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Phú Thọ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Việt Tiến